TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁC ÁI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cadá Thị Lính
2. Bà Mẫu Thị Kim Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái tham gia phiên toà: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A1, sinh năm 1979 (Có mặt).
2. Bị đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A1 trình bày:

Chị A1 và anh Phạm Anh T sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 30/ 01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó hai người về sinh

sống tại thôn T, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện nay không còn sống chung và không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vì vậy chị A1 làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị A1 và anh T có 01 (một) người con chung là cháu Phạm Kim Ng, sinh ngày 26/6/2018 và cháu đang ở cùng với chị A1, hiện nay chị làm nghề buôn bán, thu nhập tương đối ổn định đủ trang trải cuộc sống và lo cho cháu Ng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có .

Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết bị đơn anh Phạm Anh T đã trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Lan A1 sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 30/ 01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó hai người về sinh sống tại thôn T, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, hiện nay không còn sống chung và không quan tâm gì đến nhau, đến nay chị A1 làm đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A1.

Về con chung: Anh và chị A1 có 01 (một) người con chung là cháu Phạm Kim Ng, sinh ngày 26/6/2018. Nếu Tòa án giải quyết cho hai người ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Kim Ng và không yêu cầu chị A1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A1 từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Anh T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử đã áp dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn anh Phạm Anh T hiện cư trú tại Thôn T, xã P, huyện

B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A1 và anh Phạm Anh T sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 30/ 01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó hai người về sinh sống tại thôn T, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện nay không còn sống chung và không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị A1 có yêu cầu ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị A1 và anh T có 01 (một) người con chung là cháu Phạm Kim Ng, sinh ngày 26/6/2018. Hiện nay cháu Ng đang ở cùng với chị A1 và được chị chăm sóc chu đáo, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P thì anh T làm nghề lái xe thường xuyên phải đi xa nhà nên ít có điều kiện chăm sóc cháu Ng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Phạm Kim Ng cho chị A1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị A1 được quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị Lan A1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000033 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 03/7/2023 chị Nguyễn Thị Lan A1 làm đơn đến Tòa án huyện Bác Ái yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Phạm Anh T. Hiện nay anh T đang cư trú tại Thôn T, xã P, huyện B nên Tòa án huyện Bác Ái áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung.

2.1.Về quan hệ hôn nhân:

Chị A1 và anh Phạm Anh T sống chung với nhau có giấy đăng ký kết hôn số 01 ngày 30/ 01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, sau đó hai người về sinh sống tại thôn T, xã P. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc,

sau do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện nay không còn sống chung và không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và chị A1 có yêu cầu ly hôn căn cứ vào quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Lan A1 và anh T có 01 (một) người con chung là cháu Phạm Kim Ng, sinh ngày 26/6/2018, hiện nay cháu Ng đang ở cùng với chị A1, tại phiên tòa chị cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng. Biên bản xác minh ngày 18/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã P cũng cho thấy, hiện nay anh T làm nghề lái xe thường xuyên đi xa nhà nên ít có điều kiện chăm sóc cháu Ng, vì vậy giao cháu Ng cho chị A1 được chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện nuôi con của chị A1 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung: Không có nên không xét đến.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị A1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000033 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan A1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Nguyễn Thị Lan A1 và anh Phạm Anh T được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Kim Ng, sinh ngày 26/6/2018 cho chị A1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000033 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái. Chị A1 đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/9/2023).

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Ninh Thuận;
-VKSND huyện;
-Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thiện